

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Luận

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị M, sinh năm 1989

Bị đơn: Ông Điều N, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn F, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Điều N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 16/12/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung gồm Điều Hoàng N1, sinh ngày 12/12/2012; Điều Thị Bích T, sinh ngày 19/4/2014 và Điều Huy T1, sinh ngày 10/8/2018.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do tính tình không hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung; ông N không lo làm ăn, hay đi nhậu, ngoại tình, nghiện ma túy. Khi cãi vã, ông N dùng nhiều lời lẽ xúc phạm, chửi bới cha mẹ, dòng họ bà. Nhiều lần ông N đánh đập bà. Những mâu thuẫn này làm cho bà M bị xúc phạm, tổn thương nghiêm trọng cả thể xác và tinh thần, khó tha thứ, làm lạnh. Do mâu thuẫn khiến cho cả hai không thể hòa hợp, chung sống hạnh phúc nên năm 2022, ông bà đã sống ly thân.

Nay, bà nhận thấy cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng giải quyết cho ly hôn với ông Điều N.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung gồm Điều Hoàng N1, sinh ngày 12/12/2012; Điều Thị Bích T, sinh ngày 19/4/2014 và Điều Huy T1, sinh ngày 10/8/2018. Bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

VỀ BỊ ĐƠN - ÔNG ĐIỀU N2:

Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng không thực hiện được việc tổng đạt. Xác minh tại chính quyền địa phương, ông Điều N2 có đăng ký hộ khẩu thường trú thôn F, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, ông N2 vắng mặt. Căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự niêm yết công khai văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án (ngày 28/11/2024); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ (Ngày 16/12/2024); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 (Ngày 22/01/2025)

Tại phiên tòa hôm nay, ông Điều N2 vắng mặt lần 2 thứ hai không có lý do; bà Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà Thị M khởi kiện yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Điều N2. Theo lời trình bày của bà M, xác minh tại địa phương được biết giữa các bên có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022. Điều này, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông N2 có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thị M; chấp nhận yêu cầu về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Điều N2. Bị đơn thường trú tại thôn F, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn của bà Thị M:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Thị M, ông Điều N2 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 16/12/2016, là hôn nhân hợp pháp,

Căn cứ, lý do bà M yêu cầu ly hôn với ông N2 là do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn vì ông N2 không lo làm ăn, nhậu nhẹt, ngoại tình, bạo hành vợ và nghiện ma túy. Từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông N2 đều vắng mặt. Theo xác minh tại địa phương nơi ông N2, bà M sinh sống được biết, vợ chồng ông N2, bà M có mâu thuẫn, xung đột và đã sống ly thân từ năm 2022. Điều này có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà M, ông N2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, mục đích chung sống hạnh phúc của hôn nhân không còn, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Thị M.

[b] Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng với ông Điều N nhưng không nhận được ý kiến, quan điểm của ông N đối với những vấn đề mà bà M khởi kiện.

Xét thấy, ông N, bà M sống ly thân từ năm 2022 đến nay và bà Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, các con vẫn có cuộc sống ổn định. Nguyện vọng của các con chung là được chung sống với bà M. Do ông N không có ý kiến, quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện sống ổn định của các con cần giao các con chung cho bà Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riêng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị M ly hôn với ông Điều N2.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung gồm Điều Hoàng N1, sinh ngày 12/12/2012; Điều Thị Bích T, sinh ngày 19/4/2014 và Điều Huy T1, sinh ngày 10/8/2018 cho bà Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà M không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011454 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng. Bà M đã hoàn thành nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Tân; huyện Phú Riềng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

